

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/DS-PT
Ngày: 26-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức
Ông Tôn Văn Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS – ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 657/2023/QĐ – PT ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 V2k). Địa chỉ: Tầng A, số I, C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Ngô Bạch L - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: số nhà A, H, Phường A, thành phố M, Tiền Giang (có mặt);

- Ông Phan Văn D1 - Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: số F, L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng bộ phận xử lý nợ của Ngân hàng. Địa chỉ: số nhà I, C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Địa chỉ: số nhà H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Vũ T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: số nhà B, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thùy V, sinh năm 1974. Địa chỉ: số nhà F, Khu phố A, phường P, thành phố B, Bến Tre. Đại chỉ liên hệ: Khu phố B, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Quang T2, sinh năm 1943. Địa chỉ: số nhà B, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Anh Phan Thành D2, sinh năm 1999. Địa chỉ: số nhà E, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Nguyễn Vũ T1.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Kiểm sát nhân dân thành phố B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/01/2021, Ngân hàng TMCP V1 và ông Nguyễn Vũ T1 có ký kết hợp đồng cho vay số LN2101233328481, cho ông T1 vay số tiền 12.900.000.000 đồng, mục đích vay: bù đắp vốn tự có mua bất động sản tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 31, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, thời hạn vay 300 tháng (từ ngày 29/01/2021 đến ngày 29/01/2046), với mức lãi suất tại thời điểm cho vay là 8,9%/năm (một năm là 365 ngày); nợ gốc, lãi trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, số tiền nợ gốc trả mỗi kỳ là 43.000.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/02/2021. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để đảm bảo khoản vay trên, bị đơn có thể chấp quyền sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ 31, diện tích 2.413,2m², tọa lạc thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Vũ T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 20/7/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã trả được 01 kỳ gốc lãi từ ngày 20/01/2021 đến ngày 15/3/2021, số tiền 107.980.235 đồng (gốc: 43.000.000 đồng, lãi: 64.980.235 đồng). Từ sau ngày 15/3/2021 đến nay ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi mặc dù ngân hàng đã thông báo và tìm mọi cách cho ông T1 trả nợ nhưng ông T1 luôn né tránh.

Tính đến ngày 07/10/2022 ông T1 còn nợ 15.946.449.531 đồng, trong đó nợ gốc 12.857.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.059.511.276 đồng, lãi quá hạn 1.029.757.638 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Vũ T1 trả cho ngân hàng số tiền còn nợ, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày tiếp theo ngày 07/10/2022 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất tại hợp đồng cho vay đã ký kết; trường hợp bị đơn không thanh toán toàn bộ số nợ vay thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T2 thì ngân hàng không đồng ý.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Vũ T1 trình bày:

Ông Nguyễn Vũ T1 thừa nhận giữa ông T1 và Ngân hàng TMCP V1 có ký kết hợp đồng cho vay ngày 28/01/2021, ông T1 vay số tiền 12.900.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Ông T1 đã trả được 01 kỳ nợ gốc lãi từ ngày 20/01/2021 đến ngày 15/3/2021, số tiền 107.980.235 đồng (gốc: 43.000.000 đồng, lãi: 64.980.235 đồng), sau đó ông T1 ngưng trả gốc, lãi do dịch Covid ông T1 không hoạt động kinh doanh được. Hiện ông còn nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 12.857.000.000 đồng, đối với khoản tiền lãi quá hạn và thời gian tính lãi quá hạn của ngân hàng thì ông T1 không đồng ý. Bởi vì ông T1 chỉ chịu lãi quá hạn trên từng kỳ trả là 43.000.000 đồng, ngân hàng tính lãi quá hạn của tổng số tiền gốc còn lại từ ngày 15/03/2021 cho đến nay là thiệt thòi cho ông T1. Mặt khác, Ngân hàng không có thông báo thời gian quá hạn và mức lãi quá hạn cho ông T1 biết, Ngân hàng cũng không có giao cho ông T1 những điều kiện chung về giao dịch cho vay có tài sản bảo đảm áp dụng đối với khách hàng cá nhân theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 1 của hợp đồng cho vay ngày 28/01/2021; theo quy định của Bộ luật dân sự về nguyên tắc của giao dịch hợp đồng thì các bên phải tự nguyện và bình đẳng với nhau, trong trường hợp này là không bình đẳng đối với ông T1. Ngoài ra, tại thời điểm ông T1 vay tiền của Ngân hàng thì ông không kinh doanh được do phải thực hiện theo Chỉ thị 15, 16 của Chính phủ về phòng chống dịch Covid nên ông T1 đề nghị Ngân hàng giảm lãi suất để ông T1 có điều kiện trả tiền nợ cho ngân hàng. Đối với thửa đất ông

T1 đang thế chấp cho Ngân hàng thì ông T1 phát hiện đã bị người tứ cận lấn ranh, ông T1 đã có đơn yêu cầu Tòa án xác minh để đưa thêm người tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho ông sau này ở giai đoạn thi hành án.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T2 thì ông T1 thừa nhận là có nhận 500.000.000 đồng để chuyển nhượng cho ông T2 thửa đất đã thế chấp cho Ngân hàng nhưng do ông T2 không đồng ý ra Văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng và thời gian qua ông T2 không có khiếu nại việc này. Căn cứ vào hợp đồng đặt cọc thì ông T2 bị mất tiền cọc. Do đó, ông T1 không đồng ý với yêu cầu của ông T2 về trả tiền đặt cọc và phạt cọc với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T2 trình bày:

Ông Lê Quang T2 có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Vũ T1 về việc yêu cầu ông T1 trả tổng số tiền đặt cọc và phạt cọc là 1.000.000.000 đồng, do ông T1 không tiếp tục chuyển nhượng thửa đất số 155, tờ bản đồ 31, diện tích 2.413,2m², tọa lạc thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào giấy đặt cọc thì nếu bên bán là ông T1 không tiếp tục bán thì phải trả cọc và phải bị phạt cọc gấp đôi. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ theo tờ cam kết mà hai bên thỏa thuận vào ngày 22/11/2020 nên ông T1 phải trả lại cho ông T2 tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T2 xin rút yêu cầu khởi kiện độc lập đối với ông Nguyễn Vũ T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre: đã áp dụng các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Căn khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; NQ 01/2019/ NQ-HĐ-TP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 20 Thông tư 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N. Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 đối với ông Nguyễn Vũ T1.

Buộc ông Nguyễn Vũ T1 có trách trả tổng số tiền nợ là 15.946.449.531 đồng (gốc: 12.857.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.059.511.276 đồng, lãi quá hạn: 1.029.757.638 đồng); ngoài ra ông T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 08/10/2022 theo HĐTD đã ký kết trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông T1 không trả số tiền nêu trên cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 28/01/2021 để thu hồi nợ cho ngân hàng đối với thửa đất 155, tờ bản đồ 31, diện tích 2.413,2m², tại thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Vũ T1 đứng tên vào ngày 20/7/2020 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T2 đối với ông Nguyễn Vũ T1 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/10/2022, bị đơn Nguyễn Vũ T1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận Ngân hàng TMCP V1 chuyển toàn bộ số dư nợ gốc là 12.857.000.000 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/3/2021 và buộc ông phải trả tiền lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; không chấp nhận Ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất trong hạn từ 8,9%/năm lên 11,9%/năm và buộc ông phải trả lãi trong hạn với mức lãi suất là 11,9%/năm.

Ngày 21/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/10/2022, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1 trả khoản nợ gốc là 12.857.000.000 đồng; ông T1 phải trả lãi kể từ ngày 15/3/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với khoản nợ bị chuyển quá hạn (43.000.000 đồng/tháng); lãi trong hạn đối với khoản nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự thừa nhận ngày 28/01/2021 ông Nguyễn Vũ T1 và Ngân hàng TMCP V1 có ký kết hợp đồng cho vay số LN2101233328481, cho ông T1 vay số tiền 12.900.000.000 đồng, ông T1 đã trả được 01 kỳ nợ gốc lãi từ ngày 20/01/2021

đến ngày 15/3/2021 với số tiền 107.980.235 đồng (gốc: 43.000.000 đồng, lãi: 64.980.235 đồng), hiện ông T1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 12.857.000.000 đồng.

[2] Ông T1 và Ngân hàng đã tự nguyện ký kết hợp đồng nên có nghĩa vụ tuân thủ quyền và nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng cho vay. Ông T1 cho rằng ông không có nhận những điều khoản chung của giao dịch cho vay cá nhân và Ngân hàng niêm yết tại đâu ông cũng không biết, nên ông T1 không biết nợ quá hạn là bao nhiêu phần trăm và từ thời gian nào; nhưng căn cứ vào điểm b khoản 7 Điều 2 và Điều 4 của của hợp đồng cho vay thì những điều khoản giao dịch chung được công bố (được niêm yết tại website: www.vpbar.com.vn) và theo quy định tại Điều 4 áp dụng cho điều kiện giao dịch chung thì việc ông T1 có ký tên vào hợp đồng vay, bên vay (ông T1) xác nhận rằng “Đã đọc, hiểu rõ, xác nhận các Điều khoản của giao dịch chung bảo đảm được sự bình đẳng giữa bên vay và bên ngân hàng trong giao dịch này, theo đó bên vay (ông T1) đồng ý chấp nhận các điều khoản tại Điều kiện giao dịch chung...” mà Điều kiện giao dịch chung có nội dung quy định thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn, lãi quá hạn và cách tính lãi quá hạn.

Theo quy định tại Điều 20 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định chuyển nợ quá hạn: “Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận...” và quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Điều khoản của giao dịch chung thì “Khách hàng phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều 8 của Điều kiện giao dịch chung này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của V2. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà V2 yêu cầu khách hàng phải trả nợ trước hạn”. Ông T1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, lãi đến ngày 15/3/2021 thì ngừng cho đến nay, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc lãi nên theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 2 của hợp đồng cho vay thì Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn. Vì vậy, bản án sơ thẩm căn cứ vào các văn bản thỏa thuận giữa hai bên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T1 trả toàn bộ nợ gốc chưa thanh toán là 12.857.000.000 đồng bao gồm cả khoản nợ chưa đến hạn và xác định thời điểm chuyển toàn bộ dư nợ của ông T1 sang nợ quá hạn là ngày ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả gốc lãi (ngày 15/3/2021) là phù hợp nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ.

Bản án sơ thẩm có sai sót khi tuyên buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 12.587.000.000 đồng nhưng nội dung này đã được sửa chữa bằng Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 42A/TB-TA ngày 18/10/2022 của Tòa án

nhân dân thành phố Bến Tre trước khi Viện kiểm sát có kháng nghị nên không xem xét sai sót này.

[3] Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn trên toàn bộ dư nợ gốc với hai mức lãi suất quá hạn khác nhau (tính lãi quá hạn trên tổng dư nợ bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất 13,35%/năm kể từ ngày 15/3/2021 đến ngày 28/01/2022 và tính lãi quá hạn với mức lãi suất 17,85%/năm tính từ ngày 29/01/2022 đến ngày 07/10/2022).

Theo quy định tại điểm b, c, d khoản 7 Điều 2 của Hợp đồng cho vay ngày 29/01/2021 thì các bên đã thỏa thuận trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 29/01/2021 lãi suất cho vay trong hạn là 8,9%/năm, hết thời hạn này lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 29/01/2022, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất để áp dụng tính lãi là phù hợp. Tuy nhiên, cách tính lãi của bản án sơ thẩm chia thành lãi trong hạn và lãi quá hạn là chưa phù hợp và có lỗi về số liệu do tính toán sai, toàn bộ tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn phải được xác định là tiền lãi quá hạn. Cụ thể:

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/3/2021 đến ngày 28/01/2022 (là 320 ngày) với mức lãi suất 13,35%/năm là: $12.857.000.000 \text{ đồng} \times 13,35\%/\text{năm} \times 320/365 = 1.504.797.370 \text{ đồng}$.

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 29/01/2022 đến ngày 07/10/2022 (là 252 ngày) với mức lãi suất 17,85%/năm là: $12.857.000.000 \text{ đồng} \times 17,85\%/\text{năm} \times 252/365 = 1.584.475.545 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 15/3/2021 đến ngày 07/10/2022 là 3.089.272.915 đồng.

Ngoài ra, về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 123.946.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm có sai sót khi chỉ buộc bị đơn nộp 72.666.550 đồng. Do đó, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về tiền lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Vũ T1.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS – ST ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463; 464; 466; 468; khoản 2 Điều 299; khoản 6 Điều 320; khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 đối với ông Nguyễn Vũ T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Vũ T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 số tiền 15.946.272.915 đồng (trong đó nợ gốc là 12.857.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.089.272.915 đồng). Ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc kể từ ngày 08/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay ngày 28/01/2021.

Trường hợp ông Nguyễn Vũ T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ 31, diện tích 2.413,2m², tọa lạc thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 608350, số vào sổ cấp GCN: CS00040 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Vũ T1 vào ngày 20/7/2020) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 28/01/2021 đã ký kết giữa ông Nguyễn Vũ T1 với Ngân hàng để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T2 đối với ông Nguyễn Vũ T1 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Vũ T1 phải chịu 123.946.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.769.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002579 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Vũ T1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009940 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND thành phố Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV&THA (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng